

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

Án số: 148/2017/HSST

Ngày: 19 - 9 - 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu – Phó trưởng ban dân vận thành phố Thái Bình.

2. Bà Tô Thị Thanh Tâm – Chuyên viên ban tuyên giáo thành ủy Thành phố Thái Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Khánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Hiền - Kiểm sát viên sơ cấp.

Hôm nay, ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 142/2017/HSST ngày 22 tháng 8 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN H**, sinh ngày 09 tháng 01 năm 1980.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú trước khi bị bắt: Thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Nguyễn Văn H, đã chết và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1954.

Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ năm.

Tiền án:

- Bản án số 1869/HSPT ngày 29/6/2004 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố H xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/01/2010.

- Bản án số 166/HSST ngày 22/10/2010 của Tòa án nhân dân quận *, thành phố H xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số 41/HSST ngày 18/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 166/HSST ngày 22/10/2010 của Tòa án nhân dân quận *, thành

phổ H xử buộc Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 02 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2012.

- Bản án số 26/HSST ngày 18/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/01/2016.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/5/2017 đến ngày 09/6/2017 chuyển tạm giam đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trương Thị H1, sinh năm 1996; Trú tại thôn P, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (*Vắng mặt*)

Người làm chứng:

- Anh Phạm Thanh H2, sinh năm 1983; Trú tại thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (*Vắng mặt*)

- Chị Nguyễn Thu H3, sinh năm 1986; Trú tại thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 4/2017, Nguyễn Văn H và bạn nghiện ma túy là Trương Thị H1, sinh năm 1996; Trú tại thôn P, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình thuê nhà trọ tại thôn Đ, xã P, thành phố T sống với nhau. Khoảng 10 giờ ngày 31/5/2017, khi H và H1 đang ở phòng trọ thì có L (khoảng hơn 20 tuổi không biết họ, quê ở tỉnh Ninh Bình) là bạn ngoài xã hội của H1 đến gặp H hỏi có mua ma túy không nhưng H không mua. Đến 10 giờ 50 phút cùng ngày, H và H1 cùng đi bộ đi ăn cơm trưa ở khu vực thôn Đ, xã P, thành phố T. Trên đường đi L điện thoại cho H1 bảo cho gặp H, H1 đưa máy cho H nghe, H bảo L bán cho H 300.000 đồng ma túy. L đồng ý và hẹn H ra Nhà văn hóa thôn Đ, xã P để giao dịch, sau đó H đưa điện thoại lại cho H1, nội dung cuộc gọi giữa H và L như thế nào H1 không biết. H và H1 tiếp tục đi về phía Nhà văn hóa thôn Đ, trên đường đi H đưa cho H1 10.000 đồng bảo H1 mua xi lanh và nước cất hiệu Novocain, H1 hiểu ý H nói vậy là để nếu có ma túy thì H sẽ cho H1 sử dụng chung nên vào hiệu thuốc tân dược của chị Nguyễn Thu H3, sinh năm 1986; Trú tại thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình mua 02 ống nước cất hiệu Novocain và 01 xi lanh hết 4000 đồng và H1 trả tiền còn nợ chị H3 6000 đồng rồi quay ra đi cùng H. Trên đường H gặp L, H lấy 300.000 đồng của H đưa L, L đưa cho H1 gói giấy trắng kim loại màu trắng, mở ra kiểm tra thấy bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục và biết đó là ma túy nên gói lại, cầm trên tay phải rồi quay ra bảo H1 đi đến bãi đất trống cạnh đường liên thôn gần Nhà văn hóa thôn Đ, H1 hiểu ý H đến đó là để sử dụng ma túy nên đi theo. Khi đến bãi đất trống cách Nhà văn hóa thôn Đ, xã P khoảng 50 mét thì H

và H1 cùng ngồi xuống. H lấy gói ma túy để xuống đất, H1 lấy 01 xi lanh đưa cho H và để 02 ống Novocain xuống đất. H cầm xi lanh trên tay trái rút ruột ra và bảo H1 bẻ ống nước cất hiệu Novocain để chuẩn bị sử dụng ma túy thì bị tổ tuần tra Công an thành phố T phát hiện, thấy vậy H lấy tay phải nhặt gói ma túy ném ra phía sau lưng và lấy tay trái ném mạnh chiếc xi lanh xuống ruộng rau muống phía trước mặt còn H1 nhặt 02 ống nước cất hiệu Novocain chạy lên đường liên thôn Đ thì bị bắt giữ. Tổ công tác đã yêu cầu H ra đúng vị trí H vừa vứt gói ma túy và yêu cầu H nhặt lên giao nộp cho tổ công tác để kiểm tra. Trước sự chứng kiến của anh Phạm Thanh H2, sinh năm 1983; Trú tại thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình, tổ công tác đã tiến hành kiểm tra gói nhỏ do H giao nộp có đặc điểm bên ngoài được gói bằng giấy trắng kim loại màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục, H khai nhận đó là hêrôin của H mua của L với giá 300.000 đồng để sử dụng và cho H1 cùng sử dụng. Tổ công tác đã tiến hành niêm phong gói ma túy, yêu cầu H, H1 và mời anh Phạm Thanh H2 về trụ sở Công an xã P, thành phố T để tiếp tục làm việc, tại trụ sở Công an xã P, tổ công tác đã thu giữ của Nguyễn Văn H số tiền 120.000 đồng, Trương Thị H1 đã tự nguyện giao nộp 02 ống nước cất hiệu Novocain, quản lý của H1 01 điện thoại di động Xphone màu đen. Tổ công tác Công an thành phố T đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng. Đối với chiếc xi lanh theo lời khai của H đã vứt xuống ruộng rau muống. Hồi 17 giờ ngày 31/5/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, quá trình khám nghiệm có sự chứng kiến của Trương Thị H1 và người làm chứng anh Phạm Thanh H2 đã truy tìm chiếc xi lanh mà H đã vứt đi nhưng không tìm thấy.

Bản kết luận giám định số 183/KLGD-PC54 ngày 31/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “Mẫu gửi giám định thu giữ của Nguyễn Văn H là ma túy, loại hêrôin, có trọng lượng **0,3444 gam** (*không thấy ba nghìn bốn trăm bốn mươi bốn gam*)”.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 150/KSĐT ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Nguyễn Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Căn cứ vào những chính sách có lợi cho bị cáo do thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù từ 5 năm 6 tháng tháng đến 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 31/5/2017; Do bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng

cho bản thân, không có mục đích lợi nhuận nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định và 02 ống nước cất hiệu Novocain; Trả lại bị cáo số tiền 120.000 đồng; Đối với chiếc điện thoại không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại Trương Thị H1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu đen.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không có ý kiến, tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm được trở về với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục từ số 22, 23); Biên bản niêm phong vật chứng, biên bản quản lý đồ vật tài liệu (bút lục số 50, 52-55); Bản kết luận giám định số 183 ngày 31/5/2017 (bút lục số 43); Bản tự khai và biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Trương Thị H1) và những người làm chứng (anh Phạm Thanh H2, chị Nguyễn Thu H3) (bút lục từ số 112-136, 140-146); Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo Nguyễn Văn H là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

Hành vi phạm tội của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Ma túy là vật cấm lưu hành, không những làm sa sút về sức khỏe trí tuệ con người mà nó còn làm hủy hoại đạo đức nhân cách con người, là tác nhân lan truyền đại dịch HIV/AIDS, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác gây ảnh hưởng đến trật tự trị an.

Bị cáo tuy nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, mục đích để sử dụng cho bản thân bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Theo bản kết luận giám định số 183/KLGD-PC54 ngày 31/5/2017, số ma túy thu được của Nguyễn Văn H là ma túy, loại hêrôin, có trọng lượng 0,3444 gam (*không phải ba nghìn bốn trăm bốn mươi bốn gam*).

Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm p, khoản 2, Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

...

p) Tái phạm nguy hiểm.”

Xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu, thể hiện bị cáo có tiền án. Đứng trước vành móng ngựa ngày hôm nay là lần thứ 5, thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, không chịu sự răn đe, giáo dục của pháp luật.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

... ..

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm:

...

o) Tái phạm nguy hiểm.”

Theo quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 mức hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm là cao hơn so với mức hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào những quy định có lợi cho bị cáo do thay đổi chính sách pháp luật Hình sự của Nhà nước theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; Và căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, mới đủ sức giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, nhưng khi lượng hình xem xét cân nhắc giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

Khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 còn quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.*”

Bị cáo là người nghiện ma túy, có hành vi tàng trữ ma túy với mục đích sử dụng, vì vậy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Đối với số ma túy thu giữ được của bị cáo, là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 ống nước cất Novocain mục đích mua để sử dụng ma túy nên cần tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Xphone đã cũ thu giữ của Trương Thị H1 không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho H1 chiếc điện thoại trên.

Đối với số tiền 120.000 đồng là tiền hợp pháp của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều khai đã mua ma túy của một người phụ nữ khoảng 20 tuổi, tên L, quê ở Ninh Bình và không biết địa chỉ cụ thể ở đâu.

Qua điều tra, xác minh, không xác định được cụ thể L là người bán ma túy cho bị cáo nên không đủ căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm p, khoản 2, Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7; điểm o, khoản 2, Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 31/5/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 41 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định là 0,3444 gam hêrôin được niêm phong trong phong bì số 183/KLGD và 02 ống nước cất nhãn hiệu Novocain.

- Trả lại Trương Thị H1. Trú tại thôn P, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình. 01 chiếc điện thoại di động Xphone đã cũ .

- Trả lại bị cáo H số tiền 120.000 đồng.

(Số vật chứng trên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T ngày 22/8/2017)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/9/2017. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP. T;
- Nhà tạm giữ Công an TP. T/Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Công an thành phố T;
- Chi cục THADS TP.T;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu bộ phận HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Việt Hưng